

Số : 07 /QĐ-THVK

Mạo Khê, ngày 19 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021
của trường tiểu học Vĩnh Khê

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021”;

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của trường tiểu học Vĩnh Khê (đính kèm biểu số 02-dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2021 và biểu thuyết minh chi tiết nguồn NSNN năm 2021)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu.



Phạm Thị Nguyệt

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018
của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-THVK ngày 17/01/2021 của Hiệu trưởng trường tiểu học Vĩnh Khê)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.604
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.604
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.429
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	175

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2021

DVT: Đồng

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	Tổng số	8.429.000.000	1.994.000.000	2.064.000.000	2.172.000.000	2.199.000.000
A	Kinh phí tư chủ	8.429.000.000	1.994.000.000	2.064.000.000	2.172.000.000	2.199.000.000
1	Chi thanh toán cho cá nhân	7.219.000.000	1.701.000.000	1.756.000.000	1.856.000.000	1.906.000.000
	Mục 6000	3.620.000.000	880.000.000	900.000.000	910.000.000	930.000.000
	Mục 6050	95.000.000	25.000.000	20.000.000	20.000.000	30.000.000
	Mục 6100	2.360.000.000	560.000.000	580.000.000	600.000.000	620.000.000
	Mục 6200	30.000.000			30.000.000	
	Mục 6250	24.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
	Mục 6300	1.090.000.000	230.000.000	250.000.000	290.000.000	320.000.000
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.178.000.000	285.000.000	300.000.000	308.000.000	285.000.000
	Mục 6500	140.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000
	Mục 6550	180.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000
	Mục 6600	48.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
	Mục 6650	20.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
	Mục 6700	40.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
	Mục 6750	112.000.000	28.000.000	28.000.000	28.000.000	28.000.000
	Mục 6900	230.000.000	60.000.000	50.000.000	60.000.000	60.000.000
	Mục 6950	50.000.000	-	20.000.000	30.000.000	-
	Mục 7000	343.000.000	90.000.000	80.000.000	83.000.000	90.000.000
	Mục 7050	15.000.000		15.000.000		
3	Các khoản chi khác	32.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
	Mục 7750	32.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000

KÊ TOÁN



Nguyễn Hương Bưởi

Mạo Khê, ngày 14 tháng 01 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Nguyệt